

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/6/2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Bình
2. Ông Nguyễn Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỳ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 465/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980 (Nguyễn Thị L, sinh năm 1982).

Địa chỉ: Số nhà 144, tổ 4, ấp 3, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn C, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 11, ấp 4, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn C tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyển số 01/1999. Hôn nhân của chị L và anh C là tự nguyện. Vợ chồng chị L chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì xảy ra mâu

thuần. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh C không chung thủy với vợ con, thường xuyên kiểm chuyện chửi bới xúc phạm chị L. Nên từ năm 2007 cho đến nay chị và anh C đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân chị L và anh C không gặp nhau để hòa giải, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn C.

- Về con chung: Chị L và anh C có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T sinh ngày 05/4/2000, Nguyễn Thị Thanh T1 sinh ngày 26/5/2003 và Nguyễn Thiên T2 sinh ngày 23/02/2005. Từ khi chị L và anh C sống ly thân các con chung do chị L nuôi dưỡng, anh C cũng không phụ tiền để chị L nuôi dưỡng con chung nên chị L yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 và cháu T2 sau khi ly hôn, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu T đã trưởng thành và hiện nay đang làm công nhân.

- Về tài sản chung: Chị L và anh C tự thỏa thuận, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 12/3/2019, bị đơn anh Nguyễn C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn C và chị Nguyễn Thị L tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai vào năm 1999. Anh C và chị L chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được. Nên anh C và chị L đã sống ly thân, anh C chuyển về ấp 4, xã M, huyện V sinh sống từ đó cho đến nay. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L và anh C ly hôn, anh C cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh C và chị L có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T sinh ngày 05/4/2000, Nguyễn Thị Thanh T1 sinh ngày 26/5/2003 và Nguyễn Thiên T2 sinh ngày 23/02/2005. Anh C đồng ý giao 03 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh C khai không có.

** Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ là đúng quy định pháp luật.

+ Về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và nguyên đơn là đúng quy định, bị đơn triệu tập hợp lệ nhiều lần không đến Tòa làm việc gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung” với anh Nguyễn C, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Tổ 11, ấp 4, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

Bị đơn anh Nguyễn C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn C chung sống với nhau từ năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 49, quyển số 01/1999 ngày 18/11/1999; căn cứ vào các Điều 6, 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 hôn nhân giữa chị L và anh C được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L là có cơ sở chấp nhận bởi vì: Vợ chồng phải có nghĩa vụ chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc.

Tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng chị L và anh C đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng chị L bất đồng quan điểm sống, anh C sống không chung thủy với vợ con từ đó vợ chồng thường xuyên gây gỗ, xúc phạm lẫn nhau. Từ năm 2007 cho đến nay chị L và anh C đã sống ly thân, trong thời gian này chị L, anh C cũng không có sự quan tâm lẫn nhau dẫn đến không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp hòa giải để chị L, anh C đoàn tụ nhưng anh Nguyễn C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải nhằm khắc phục mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L và anh C được. Đồng thời anh Nguyễn C có lời khai trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với chị L do không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L và anh C đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn C.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị L và anh C có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T sinh ngày 05/4/2000, Nguyễn Thị Thanh T1 sinh ngày 26/5/2003 và Nguyễn Thiên T2 sinh ngày 23/02/2005. Tại phiên tòa hôm nay chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1 và cháu T2 sau khi ly hôn, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu T đã trưởng

thành và có công việc ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Các cháu T1, T2 hiện nay đang ở với chị L và theo nguyện vọng của các cháu T1, T2 được ở với chị L. Chị L hiện làm công nhân Công ty DONA PACITTIC Việt Nam lương tháng khoảng 6.000.000 đồng có nơi cư trú ổn định, hơn nữa từ khi chị L và anh C sống ly thân chị L trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Do vậy, cần giao các cháu T1, T2 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi các con nên tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 6, 8, 40, 45 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn C.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Thanh T1 sinh ngày 26/5/2003 và Nguyễn Thiên T2 sinh ngày 23/02/2005 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn C không phải cấp dưỡng nuôi các con.

Cháu Nguyễn Thị Ngọc T sinh ngày 05/4/2000 đã trưởng thành và có việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của các con, khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi các con và cấp dưỡng nuôi các con.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 004919 ngày 28/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Nai. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện V;
- THA huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã P,
- H. V, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Lâm